

Số: **23**/BC-BCĐTW

Hà Nội, ngày **14** tháng **3** năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP
về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW
ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI
một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020
năm 2016

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA

BẾN

Số: **1335**

Ngày: **20/03**

Chuyên.....

Thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở báo cáo đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan thường trực là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 trong năm 2016 như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đặc điểm tình hình năm 2016

a) Thuận lợi

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã thành công tốt đẹp, Nghị quyết Đại hội tiếp tục khẳng định các mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

Cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, gắn liền với công tác cán bộ, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành, chọn ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trong cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, quá trình hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng tạo điều kiện để kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được đảm bảo và nâng cao. Đó là những động lực và nền tảng để thực hiện các chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội.

Năm 2016 là thời điểm tổng kết kinh nghiệm, bài học thực hiện các chính sách, pháp luật về giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội giai đoạn 2011-2015, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2016-2020.

b) Khó khăn

Biến đổi khí hậu và các loại thiên tai như hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn... xảy ra thường xuyên và cực đoan, đồng thời với các sự cố về môi trường gây hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân nhiều địa phương.

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Luật đầu tư công, thay đổi các phương thức lập, giao kế hoạch ngân sách đầu tư công trung hạn. Chính vì thế, việc triển khai còn lúng túng, gặp nhiều khó khăn dẫn đến chậm tiến độ.

Kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi nhưng các nguồn lực huy động cho thực hiện các chính sách xã hội vẫn còn hạn chế, bao gồm cả nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn xã hội hóa. Bên cạnh đó, các nguồn viện trợ, vốn vay ưu đãi của quốc tế cũng giảm do Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình.

Bối cảnh trên đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện các chính sách ưu đãi người có công và đảm bảo an sinh xã hội.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

a) Xây dựng văn bản

Năm 2016, các Bộ, ngành tiếp tục phối hợp xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật, chính sách ưu đãi người có công, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để chính sách đi vào cuộc sống, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh¹; quyết định về điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ²; ban hành thông tư hướng dẫn điều chỉnh trợ cấp ưu đãi đối với nhóm đối tượng người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được công nhận và đang hưởng trợ cấp trước ngày 1/9/2012³; phối hợp với Bộ Y tế ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ⁴.

Bộ Quốc phòng đã trình Chính phủ ban hành nghị định và thông tư hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ⁵; thông tư hướng dẫn điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc⁶.

¹ Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016.

² Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 5/7/2016.

³ Thông tư số 22/2016/TT-BLĐTBXH ngày 29/6/2016.

⁴ Thông tư số liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 (thay thế Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18/11/2013).

⁵ Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 6/4/2016 và Thông tư số 95/2016/TT-BQP ngày 30/6/2016.

⁶ Thông tư số 130/2016/TT-BQP ngày 10/9/2016.

Các văn bản đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền bao gồm: dự án Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng trong đó có nội dung liên quan đến trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp một lần đối với thân nhân các đối tượng được truy tặng hoặc phong tặng nhưng đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi; sửa đổi Nghị định về hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Nghị định về hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”; đề án chế độ chính sách đối với người Việt Nam có công định cư ở nước ngoài.

b) Kết quả thực hiện

- Về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Các chế độ ưu đãi đối với người có công đã từng bước được hoàn thiện, bao phủ hầu hết các lĩnh vực trong đời sống người có công. Người có công được hưởng các chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp hàng tháng, trợ cấp người phục vụ; bảo hiểm y tế, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, điều dưỡng phục hồi sức khỏe; ưu đãi trong giáo dục, đào tạo; ưu tiên vay vốn ưu đãi sản xuất, miễn giảm thuế; hỗ trợ nhà ở; thân nhân được giải quyết chế độ mai táng phí, trợ cấp tiên tuất, thờ cúng liệt sĩ... Mức trợ cấp hàng tháng được điều chỉnh đồng bộ với tiền lương và trợ cấp bảo hiểm xã hội đã từng bước cải thiện và ổn định đời sống người có công với cách mạng.

Đến tháng 12/2016, cả nước có trên 8,8 triệu đối tượng người có công, trong đó có khoảng 1,37 triệu đối tượng người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng của Nhà nước. Ngoài ra cũng giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho trên 91.000 thanh niên xung phong, 30.000 người tham gia kháng chiến, 25.000 đối tượng khác.

Đã thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp người phục vụ đối với trên 7.000 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trợ cấp phục vụ đối với trên 3.200 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Chuyển đổi từ chế độ trợ cấp một lần sang trợ cấp hàng tháng đối với trên 65.000 người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Bổ sung chế độ thờ cúng liệt sĩ mỗi năm một lần đối với trên 400.000 người; Chuyển toàn bộ số đối tượng điều dưỡng luân phiên từ 5 năm một lần sang 2 năm một lần; Chuyển đổi mức trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 2 mức cũ sang 4 mức mới với 153.507 đối tượng, tương ứng với 4 hạng của thương binh; Mở rộng phạm vi hưởng trợ cấp tiên tuất đối với con của người có công với cách mạng.

Điều chỉnh trợ cấp đối với thân nhân liệt sĩ theo suất liệt sĩ, trường hợp mồ côi cha mẹ hoặc cô đơn không nơi nương tựa được hưởng thêm trợ cấp tuất nuôi dưỡng bằng 0,8 lần mức chuẩn. Theo đó, có 310.802 người hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của 01 liệt sĩ, 12.324 người hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của 02 liệt sĩ, 297 người hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của 03 liệt sĩ trở lên, 10.087 người hưởng thêm trợ cấp tiên tuất nuôi dưỡng hàng tháng.

Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được quy định bổ sung về bảo hiểm y tế, điều dưỡng phục hồi sức khỏe, hỗ trợ cải thiện nhà ở, khi chết thân nhân được trợ cấp tiền tuất...

- Về hỗ trợ nhà ở cho người có công

Đến hết tháng 9/2016, toàn bộ 63 tỉnh, thành phố đã lập, phê duyệt Đề án và rà soát, điều chỉnh số liệu người có công với cách mạng cần hỗ trợ về nhà ở. Tổng số hộ cần hỗ trợ là 363.437 hộ, trong đó, số hộ đề nghị xây dựng mới là 169.203 hộ, sửa chữa là 194.234 hộ với tổng số kinh phí cần hỗ trợ là 10.652,8 tỷ đồng (kinh phí thực hiện xây mới là 6.768,12 tỷ đồng, kinh phí thực hiện sửa chữa là 3.884,68 tỷ đồng).

Do số lượng người có công cần được hỗ trợ về nhà ở cả nước tăng rất cao (gấp 4,6 lần ban đầu), trong khi ngân sách trung ương còn hạn chế nên trong giai đoạn 1 tập trung thực hiện hỗ trợ cho 80.000 hộ (gồm 72.153 hộ của 53 tỉnh, thành phố đã có báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2012 và 7.847 hộ được hỗ trợ bổ sung của 10 địa phương còn lại)⁷ với tổng số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương là 2.516 tỷ đồng. Đến nay, Bộ Tài chính đã cấp đủ số kinh phí này cho 63 tỉnh, thành phố để thực hiện hỗ trợ. Thực tế, các địa phương đã triển khai thực hiện vượt 15.270 hộ so với dự kiến do đã tạm ứng kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương; điều chỉnh giảm số hộ được xây mới để tăng số hộ được sửa chữa, cải tạo hoặc ngược lại; một số hộ gia đình tự huy động kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở...

- Về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin

Tích cực triển khai Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong và ngoài nước từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo; tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo Quốc gia 1237 chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương tiến hành sơ kết và tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết thực hiện Đề án giai đoạn 2013-2015, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2016-2020, kiểm tra thực hiện Đề án năm 2016; tổ chức đoàn kiểm tra ở các đơn vị, địa phương; tổ chức đoàn đi thăm và làm việc tại một số nước, trao đổi thông tin tìm kiếm quân nhân hi sinh, mất tích trong chiến tranh. Kết quả là trong năm 2016 đã quy tập được 1.688 bộ hài cốt liệt sĩ và tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

- Về phong trào đền ơn đáp nghĩa

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” tiếp tục huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, đa dạng về hình thức, thiết thực về nội dung.

Bộ Quốc phòng phối hợp với các Bộ, ngành trung ương thẩm định, đề xuất hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa, tu bổ 08 Đài hữu nghị Việt Nam - Campuchia và 01 dự án xây dựng tượng đài “Tình đoàn kết liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào”.

⁷ Công văn số 1346/VPCP-KTN ngày 03/3/2014 của Văn phòng Chính phủ.

Các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” được tổng kết và nhân rộng trong phạm vi cả nước: tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa; xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa; xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”; tặng vườn cây tình nghĩa, áo ấm tặng mẹ, áo lụa tặng bà; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm sóc thân nhân liệt sĩ, đỡ đầu con thương binh, con liệt sĩ.

c) Một số tồn tại

Một bộ phận người có công với cách mạng và gia đình (khoảng 3%) vẫn còn khó khăn trong cuộc sống do: (1) phần lớn người có công độ tuổi đã cao, sức đã yếu, khả năng vươn lên vượt khó ngày càng giảm, việc cụ thể hóa một số chính sách ưu đãi như giải quyết việc làm, sản xuất, kinh doanh, chăm sóc sức khỏe... còn nhiều khó khăn do ngân sách nhà nước còn hạn chế; (2) việc ban hành văn bản hướng dẫn chưa kịp thời, chưa quy định cụ thể; sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết chính sách còn chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ; cán bộ chuyên môn thiếu và còn yếu, nhất là ở cấp cơ sở.

Việc triển khai hỗ trợ nhà ở cho người có công không đảm bảo về mặt thời gian. Đặc biệt là quá trình rà soát tại địa phương, đến nay các tỉnh vẫn tiếp tục đề nghị bổ sung số lượng hộ gia đình cần hỗ trợ về nhà ở. Một số địa phương xây dựng đề án còn chậm hoặc số liệu không chính xác nên phải điều chỉnh; thậm chí, một số tỉnh gửi sai địa chỉ cơ quan thẩm định.

Kinh phí để thực hiện hỗ trợ về nhà ở không thuộc diện được bố trí vốn đầu tư công trung hạn⁸, trong bối cảnh nguồn ngân sách chi đầu tư của Nhà nước hiện nay có khó khăn, đến nay chưa bố trí được ngân sách Trung ương cần cấp cho giai đoạn 2.

Một số hộ người có công thuộc diện được hỗ trợ giai đoạn 2 nhưng do nhu cầu cấp thiết, nên khi được biết có chủ trương hỗ trợ của Chính phủ đã tạm vay tiền để xây dựng hoặc sửa chữa nhà dẫn đến “mắc nợ”, gây bức xúc (2.320 hộ). Một số trường hợp người có công thuộc diện được hỗ trợ nhưng đã chết, hiện nay vợ hoặc chồng, con đang sinh sống tại nơi ở đó đề nghị được hỗ trợ (1.100 hộ).

2.2. Chính sách việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu

a) Xây dựng văn bản

Trong năm 2016, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ kỹ thuật mạng thông tin việc làm sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc⁹; Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện về việc thông báo biến động lao động làm việc tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an¹⁰; Thông tư hướng dẫn chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù¹¹.

⁸ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

⁹ Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 11/8/2016.

¹⁰ Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25/3/2016.

¹¹ Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng kế hoạch tổng kết 10 năm tình hình thực hiện Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, rút ra các bài học kinh nghiệm và sửa đổi, bổ sung Luật trong thời gian tới; đang xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016 – 2020; Đề án xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; Đề án hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều về chính sách việc làm công; Bổ sung thay thế quyết định thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước; Đề án đưa lao động trình độ chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025.

b) Kết quả thực hiện

- Việc làm và thất nghiệp

Năm 2016, đã giải quyết việc làm cho khoảng 1.641.000 lao động (đạt 102,5% kế hoạch năm, tăng 1% so với năm 2015), trong đó hỗ trợ tạo việc làm trong nước cho khoảng 1.515.000 lao động (đạt 101% kế hoạch năm 2016 và tăng 0,3% so với năm 2015). Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ trọng việc làm trong khu vực nông – lâm nghiệp – thủy sản giảm còn 41,9%; công nghiệp- xây dựng và dịch vụ tăng (chiếm 24,7% và 33,4%). Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục duy trì ở mức thấp 2,30%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,18%; khu vực nông thôn là 1,86%; tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) là 7,34%, trong đó khu vực thành thị là 11,30%; khu vực nông thôn là 5,74%¹².

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề

Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, năm 2016, tổng nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm do Trung ương quản lý đạt trên 5.050 tỷ đồng, doanh số cho vay từ Quỹ trong năm khoảng 2.448 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ giải quyết việc làm cho 105.384 lao động (bằng 100% kế hoạch năm 2016 và bằng 104,7% so với năm 2015).

- Phát triển thị trường lao động

Năm 2016, Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020 đã bố trí 157 tỷ đồng để đầu tư nâng cao năng lực cho 06 trung tâm dịch vụ việc làm.

Có khoảng 1.200 phiên giao dịch việc làm đã được tổ chức trong năm 2016, trung bình mỗi phiên có khoảng 25-30 doanh nghiệp, 400 - 450 lao động tham gia với 200-230 lao động được sơ tuyển. Nhiều địa phương đã tổ chức các sàn giao dịch vệ tinh, lưu động và các ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm, từng bước đưa thông tin đến với người lao động và người sử dụng lao động, như Hà Nội, Bắc Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Ngoài ra còn tổ chức các phiên giao dịch việc làm cho lao động Việt Nam đi làm việc tại Hàn Quốc, Nhật Bản về nước.

¹² Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016 của Tổng cục Thống kê.

Năm 2016, số lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm tại các trung tâm là khoảng 2.980.000 người. Trong đó, số lao động nhận được việc làm là 939.000 người, đạt tỷ lệ 31,51%.

- Hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Năm 2016, tổng số lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài của cả nước là 126.000 người (đạt 126% kế hoạch năm 2016, tăng 9,6% so với năm 2015), tập trung chủ yếu ở các thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia và các nước Trung Đông.

Tiếp tục triển khai hoạt động đưa lao động và đào tạo và hỗ trợ chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng. Hỗ trợ người lao động học nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe, làm hộ chiếu, visa, lí lịch tư pháp cho 232 lao động.

c) Một số tồn tại

Chất lượng việc làm còn thấp, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn (trên 41%). Mất cân đối cung - cầu vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều khu vực, đặc biệt là đối với lao động qua đào tạo; thất nghiệp cao với nhóm lao động thanh niên, lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên; nhu cầu tuyển lao động phổ thông vẫn lớn.

Nguồn lực cho các dự án, chương trình hỗ trợ tạo việc làm còn hạn chế; việc phân bổ kinh phí còn chậm, tháng 11/2016 mới bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động thuộc dự án phát triển thị trường lao động và việc làm thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016-2020, trong khi các địa phương chưa đảm bảo cam kết đối ứng hoặc khó khăn, không có nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ giải quyết việc làm.

2.3. Giảm nghèo

a) Xây dựng văn bản

Trong năm 2016, Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành các văn bản pháp lý trong lĩnh vực. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020¹³ và tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017-2020¹⁴; Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020¹⁵; ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020¹⁶.

¹³ Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 5/8/2016.

¹⁴ Quyết định số 2115/QĐ-TTg ngày 7/11/2016.

¹⁵ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 2/9/2016.

¹⁶ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt kết quả Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020¹⁷, hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020¹⁸, hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020¹⁹, hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020²⁰.

Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ tham gia vụ việc tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình²¹.

Ủy ban Dân tộc đã xây dựng trình Chính phủ ban hành nghị quyết về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030²², phương án “sắp xếp, ổn định dân cư cho người di cư tự do từ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trở về nước”²³, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020²⁴, Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 – 2025²⁵, tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020²⁶.

Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh và bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020²⁷.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang trình ban hành Nghị định của Chính phủ về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình ban hành chỉ thị tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và dự thảo Thông tư hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

¹⁷ Quyết định số 1095/QĐ-LĐTBXH ngày 22/8/2016.

¹⁸ Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016.

¹⁹ Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016.

²⁰ Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016.

²¹ Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 (trên cơ sở tích hợp Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg).

²² Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016.

²³ Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 25/1/2016.

²⁴ Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016.

²⁵ Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016.

²⁶ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 3/11/2016.

²⁷ Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016.

Bộ Quốc phòng đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ chế hỗ trợ khuyến nông, khuyến công góp phần giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng tại các địa bàn chiến lược giai đoạn 2016-2020”.

Bộ Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn quản lý và triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025.

b) Kết quả thực hiện các chương trình hỗ trợ giảm nghèo

+ Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung

Trên cơ sở Khung kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP, các chính sách giảm nghèo tiếp tục được Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo bố trí kinh phí để thực hiện hàng năm. Các chính sách này đã tiếp tục phát huy tác dụng, hỗ trợ có hiệu quả cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Chính sách tín dụng ưu đãi: năm 2016 đã thực hiện cho trên 862.000 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn và trên 21.000 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn lần đầu trong năm, doanh số cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là hơn 27.321 tỷ đồng.

Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP: năm 2016 đã phân bổ tổng kinh phí 3.340,1 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 2.276,7 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 1.063,4 tỷ đồng), trong đó:

- Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo: 64 huyện nghèo được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng với kinh phí 2.137,4 tỷ đồng. Đến nay ước thực hiện 80% kế hoạch bao gồm công trình giao thông cấp huyện, công trình trường trung học phổ thông, công trình đường liên xã, công trình trung tâm cụm xã và các công trình cấp xã và dưới xã (công trình trường, lớp học; trạm y tế xã; công trình đường liên thôn, bản; công trình thủy lợi nhỏ; công trình điện sinh hoạt; công trình nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng khác...).

- Tiêu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Vốn phân bổ năm 2016 tạm thời dựa trên cơ sở danh sách 310 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo của giai đoạn 2013-2015²⁸, tổng kinh phí là 328,3 tỷ đồng. Hiện nay, các địa phương đang triển khai các thủ tục đấu thầu, xây dựng. Ước thực hiện cả năm sẽ đầu tư cho khoảng 350 công trình xây mới và duy tu bảo dưỡng (mỗi xã từ 1-2 công trình) với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ, còn lại là ngân sách địa phương, huy động xã hội hóa và đóng góp của nhân dân.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, xuất khẩu lao động: 64 huyện nghèo và 310 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo²⁹ phân bổ tổng kinh phí là

²⁸ Do Quyết định 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015 hết hiệu lực vào cuối năm 2015.

²⁹ Không phân bổ kinh phí đối với các xã lên thị trấn, phường và các xã đạt chuẩn nông thôn mới.